

Bản án số: **64/2017/DS - ST.**

Ngày: 20/9/2017.

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Phụng.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Khởi.**

2. Ông **Trần Xươngne.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Chánh**— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Dương Thanh Hậu**— Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2017/TLST-DS, ngày 17 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2017/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Cái Thị Ngọc T**, địa chỉ: ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* Bị đơn: Bà **Châu Thị Trúc L**, địa chỉ: ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện ngày 16/8/2017, tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cùng ngày 08/9/2017 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cái Thị Ngọc T trình bày: Bà là thành viên, bà Châu Thị Trúc L là chủ hội, bà T có tham gia góp hội với bà L 07 dây, gồm có: 01 dây hội ngày, 03 dây hội tuần, 01 dây hội 15 ngày, 02 dây hội tháng và có mua hội của bà L 07 dây hội trên, bao gồm:

- Dây thứ 1: Dây hội ngày, mỗi ngày góp 20.000 đồng, khai ngày 04/12/2016 âm lịch, có 150 phần, bà T tham gia 10 phần, mua 20 phần (cộng 30 phần). Bà T đã hốt chót ngày 05/5/2017 âm lịch (nhằm ngày 30/6/2017), sau khi

khấu trừ tiền hoa hồng cho chủ hội 600.000 đồng. Như vậy, dây hội này bà T đã hốt chót các dây hội đã tham gia và các dây hội đã mua với tổng cộng số tiền là 87.740.000 đồng.

- Dây thứ 2: Dây hội tuần, mỗi tuần góp 100.000 đồng, khai ngày 15/6/2016 âm lịch, có 50 phần, bà T tham gia 02 phần và mua 02 phần (cộng 04 phần). Bà T đã hốt chót ngày 25/5/2017 âm lịch (nhằm ngày 19/6/2017), sau khi khấu trừ tiền hoa hồng cho chủ hội 200.000 đồng. Như vậy, dây hội này bà T đã hốt chót các dây hội đã tham gia và các dây hội đã mua với tổng cộng số tiền là 18.400.000 đồng.

- Dây thứ 3: Dây hội tuần, mỗi tuần góp 100.000 đồng, khai ngày 05/6/2016 âm lịch, có 40 phần, bà T tham gia 02 phần. Bà T đã góp đến ngày 11/5/2017 âm lịch (nhằm ngày 05/6/2017) thì hội mãn, sau khi khấu trừ tiền hoa hồng cho chủ hội 100.000 đồng. Như vậy, dây hội này bà T đã hốt chót các dây hội đã tham gia với tổng cộng số tiền là 7.300.000 đồng.

- Dây thứ 4: Dây hội tuần, mỗi tuần góp 200.000 đồng, khai ngày 27/5/2016 âm lịch, có 50 phần, bà T tham gia 01 phần, mua 01 phần (cộng 02 phần). Bà T đã góp đến hội mãn ngày 14/5/2017 âm lịch (nhằm ngày 08/6/2017), sau khi khấu trừ tiền hoa hồng cho chủ hội 200.000 đồng. Như vậy, dây hội này bà T đã hốt chót các dây hội đã tham gia và các dây hội đã mua với tổng cộng số tiền là 18.600.000 đồng.

- Dây thứ 5: Dây hội 15 ngày góp 300.000 đồng, khai ngày 15/03/2016 âm lịch (nhằm ngày 11/4/2017), có 36 phần, bà T tham gia 01 phần. Dây hội này bà T đã góp được 28 kỳ với tổng số tiền vốn là 5.880.000 đồng thì hội bế, sau khi khấu trừ tiền hoa hồng cho chủ hội 150.000 đồng thì bà L còn nợ bà T 5.730.000 đồng.

- Dây thứ 6: Dây hội tháng 500.000 đồng, khai ngày 05/02/2016 âm lịch (nhằm ngày 02/03/2017), có 36 phần, bà T tham gia mua 01 phần. Dây hội này đã góp được 16 kỳ với tổng số tiền vốn là 8.000.000 đồng thì hội bị bế và hiện nay bà L còn nợ bà 8.000.000 đồng.

- Dây thứ 7: Dây hội tháng 500.000 đồng, khai ngày 15/12/2016 âm lịch (nhằm ngày 12/01/2017), có 32 phần, bà T tham gia mua 01 phần. Dây hội này đã góp được 18 kỳ với tổng số tiền vốn là 9.000.000 đồng thì hội bị bế và hiện nay bà L còn nợ bà 9.000.000 đồng.

Các dây hội này bà T đã góp và mua thì hiện nay bà L còn nợ bà T số tiền vốn là 154.770.000 đồng .

Nay bà T yêu cầu bà L trả cho bà số tiền hội đã góp và mua còn nợ lại 154.770.000 đồng và trả trong thời gian ngắn.

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 08/9/2017 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Châu Thị Trúc L thừa nhận hiện nay còn nợ bà T (hội đã tham gia góp và mua hội của bà L 07 dây hội) với tổng số tiền vốn gốc là

154.770.000 đồng, nhưng xin trả hàng tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, vì hiện nay gia đình đang gặp khó khăn không có khả năng trả 01 lần cho bà T.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 BLDS và Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; xử buộc bà L trả cho bà T số tiền hội đã tham gia góp và mua hội là 154.770.000 đồng. Tuy nhiên, tại Toà bà T không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Bà Châu Thị Trúc L làm chủ hội, bà Cái Thị Ngọc T là thành viên; bà T có tham gia góp hội và mua hội của bà L 07 dây hội, gồm có:

* 01 dây hội ngày 20.000 đồng, mở hội ngày 04/12/2016 âm lịch (nhằm ngày 01/01/2017), bà T tham gia 10 phần và mua 20 phần (cộng 30 phần), có 150 phần. Dây hội này bà T đã góp đến ngày 30/6/2017 thì hội mãn, bà L nợ bà T tổng số tiền vốn là 87.740.000 đồng.

* 03 dây hội tuần, bao gồm:

- 01 dây hội tuần 100.000 đồng, mở hội ngày 15/6/2016 âm lịch (nhằm ngày 8/7/2017), bà T tham gia 02 phần và mua 02 phần (cộng 04 phần), có 50 phần. Dây hội này bà T góp hội đến ngày 19/6/2017 thì hội mãn, bà L còn nợ bà T 18.400.000 đồng vốn.

- 01 dây hội tuần 100.000 đồng, mở hội ngày 05/6/2016 âm lịch (nhằm ngày 28/6/2017), bà T tham gia 02 phần, có 40 thành viên. Dây hội này bà T đã đóng đến ngày 11/5/2017AL thì hội mãn, sau khi khấu trừ tiền hoa hồng cho chủ hội 100.000 đồng thì hiện nay bà L còn nợ bà T 7.300.000 đồng vốn,

- 01 dây hội tuần 200.000 đồng, mở hội ngày 27/5/2016 âm lịch (nhằm ngày 21/6/2017), có 40 phần, bà T tham gia 01 phần và mua 01 phần (cộng 02 phần). Dây hội này bà T đã đóng đến ngày 14/5/2017Al được 28 phần thì hội bị bể, sau khi khấu tiền hoa hồng cho chủ hội 200.000 đồng thì hiện nay bà L còn nợ bà T 18.600.000 đồng vốn.

* 01 dây hụi 15 ngày 300.000 đồng, mở ngày 15/03/2016 âm lịch (nhằm ngày 11/04/2017), có 36 phần, bà T tham gia 01 phần. Dây hụi này bà T đã đóng đến ngày 15/5/2017 AL được 28 phần thì hụi mãn, sau khi khấu tiền hoa hồng cho chủ hụi 150.000 đồng thì hiện nay bà L còn nợ bà T 5.770.000 đồng vốn.

* 02 dây hụi tháng, bao gồm:

- 01 dây hụi tháng 500.000 đồng, mở hụi ngày 05/02/2016 âm lịch (nhằm ngày 02/03/2017), có 36 phần, bà T tham gia mua 01 phần. Dây hụi này bà T đã đóng đến ngày 15/5/2017 AL được 16 phần thì hụi bị bể, hiện nay bà L còn nợ bà T 8.000.000 đồng vốn.

- 01 dây hụi tuần 200.000 đồng, mở hụi ngày 15/12/2016 âm lịch (nhằm ngày 12/01/2017), có 32 phần, bà T tham gia mua 01 phần. Dây hụi này bà T góp đến ngày 15/5/2017 AL được 18 phần thì hụi bị bể, hiện nay bà L còn nợ bà T tiền mua hụi 9.000.000 đồng vốn.

Như vậy, sau khi tính toán thì bà L thừa nhận hiện nay còn nợ bà T số tiền hụi đã tham gia góp và mua hụi vốn là 154.770.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu bà L trả số tiền trên trong thời gian ngắn; phía bà L đồng ý trả cho bà T số tiền hụi gốc 154.770.000 đồng, nhưng xin trả hàng tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. **Xét thấy**, trong quá trình giải quyết vụ án; tại biên bản lấy lời khai, hòa giải cùng ngày 08/9/2017 và tại tòa hôm nay, bà L thừa nhận còn nợ bà T tiền hụi đã góp và mua số tiền vốn là 154.770.000 đồng. Do đó, có căn cứ khẳng định bà L còn nợ bà T số tiền hụi là 154.770.000 đồng.

- Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hụi giữa các bên đương sự nhận thấy: Bà T và bà L là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

- Xét về lỗi: Bà L là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ không giao hụi cho bà T, chính việc vi phạm nghĩa vụ của bà L đã gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà T. Do đó, bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hụi gốc là 154.770.000 đồng theo quy định tại Điều 471 BLDS và Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường. Tuy nhiên, tại Tòa bà T không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu của bà L cho rằng do hoàn cảnh kinh tế của gia đình hiện nay khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà L trả mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ. **Xét thấy**, yêu cầu này của bà L không được bà T đồng ý và thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án sau này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

Hồ Văn Phụng